| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM YÊN**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **214/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2020
Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Trần Đức T và chị Đinh Thị L

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Ma Thị Tuyết Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lý Bích Phụng.

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST - HNGĐ, ngày 24/6/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/8/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Trần Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện S, tỉnh V (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Chị Đinh Thị L, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các bản khai, anh Trần Đức T trình bày:*

Anh và chị Đinh Thị L kết hôn năm 2007, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 26/12/2007 tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh V. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường tháng 8/2008

thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T sinh sống, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Do vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm đã hết nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 31/8/2008, hiện tại cháu đang ở với chị L tại thôn T, xã T, huyện H. Do công việc của anh thường xuyên phải đi làm ăn xa nên anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu H cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị L.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh xác định không đề nghị Toà án giải quyết.

Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Đinh Thị L đến để giải quyết vụ án nhưng chị L đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay chị L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T. Theo lời khai của bà Đoàn Thị Đ (mẹ đẻ chị L), chị L và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống tại tỉnh V sau đó khoảng 01 năm sau thì chị L chuyển về ở với bà và sinh cháu Trần Thị Thu H. Từ đó cũng không thấy anh T về thăm nom chị L, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay, chị L làm việc lao động tự do nên có lúc cũng không có mặt tại gia đình. Chị L và cháu H vẫn sống cùng gia đình bà. Chị L có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần nhưng chị L không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng  của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Trần Đức T được ly hôn với chị Đinh Thị L; giao cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 31/8/2008 cho chị Đinh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L; anh Trần Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã T, huyện H, tỉnh T thì chị Đinh Thị L có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống, làm việc tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, chị L và gia đình chị L đã biết nhưng chị L không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T và chị Đinh Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2008 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Trần Đức T là xử cho anh T được ly hôn với chị Đinh Thị L.

[2] Về con chung: Anh Trần Đức T và chị Đinh Thị L có 01 con chung là cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 31/8/2008, hiện đang ở cùng chị L và bà Đoàn Thị Đ. Xét nguyện vọng của đương sự (anh T đang đi làm ăn xa, bà Đ là mẹ chị L có nguyện vọng để chị L tiếp tục nuôi cháu H), đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của cháu H vẫn đảm bảo khi ở với mẹ và bà ngoại. Do đó, cần tuyên xử cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Thu H. Anh Trần Đức T được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Đinh Thị L không đến Tòa án làm việc nên không xác định được có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung không. Xét thấy hiện nay cháu H ở với mẹ và bà ngoại vẫn được đảm bảo về điều kiện sinh hoạt, do vậy Tòa án không buộc anh T có phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L và giành quyền khởi kiện cho chị L trong một vụ án khác về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Trần Đức T không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Trần Đức T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đức T được ly hôn với chị Đinh Thị L.

**2**. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 31/8/2008 cho chị Đinh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đinh Thị L và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**3**. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Trần Đức T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai số 0002131 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đinh Thị L không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã Y (S- V);
- UBND xã T (H –T);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Ma Thị Tuyết Mai**